TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

 Số: /ĐA-... Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

**ĐỀ ÁN TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNV-TCBC ngày tháng 6 năm 2015 của Giám đốc Sở Nội vụ)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. **SỰ CẦN THIẾT**
* Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn

vị:

* Những yếu tố tác động đến hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị
1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng Đề án:

* Của Trung ương:

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phô trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ qui định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/ TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; các văn bản quy định về quy trình giải quyết công việc; tiêu chuẩn chức danh của các sở, ban, ngành;

* Của Ủy ban nhân dân Thành phố:

Căn cứ Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 6 năm 2015 của Ủy ban

nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số /SNV-TCBC ngày tháng 6 năm 2015 của Sở Nội vụ về hướng dẫn chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ- CP ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ;

* Của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Kế hoạch số ngày tháng năm 201… của cơ quan, tổ chức, đơn vị về triển khai khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ;

Phần II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN TINH GIẢN BIÊN CHẾ

1. MỤC TIÊU
* Theo Điểm a, Khoản 2, Điều 16 Chương IV của Thông tư Liên tịch số 01/2015/ TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế: xác định tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021 tối thiểu là 10% biên chế được giao năm 2015 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó không bao gồm các trường hợp nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định (trừ trường hợp nghỉ, thôi việc thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP).
1. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
2. Sơ lược vị trí, chức năng, cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị.
* Vị trí, chức năng
* Cơ cấu tổ chức
1. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: (Biểu mẫu kèm theo)

(Đánh giá sự phù hợp của cán bộ, công chức, viên chức đối với các vị trí việc làm đang bố trí).

III. PHƯƠNG ÁN KIỆN TOÀN VÀ TINH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Phương án sắp xếp tổ chức

* Giữ nguyên tổ chức nào? Lý do?
* Giải thể tổ chức nào, sáp nhập vào đâu? Lý do?
* Tổ chức nào thực hiện tự chủ về biên chế, kinh phí, tính khả thi của việc thực hiện tự chủ?

2. Phương án sắp xếp, kiện toàn cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp

đồng

* Số lượng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch và tiêu chuẩn chức danh của đội ngũ cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị?
* Phương án sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng (theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ) theo vị trí việc làm?

IV. KẾ HOẠCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ CỦA TỪNG NĂM VÀ GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

1. Căn cứ kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại công chức, viên chức; đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đối chiếu với quy định về đối tượng và các trường hợp tinh giản biên chế theo Điều 2, Điều 6, Chương I, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ để xây dựng Kế hoạch tinh giản biên chế từng năm và giai đoạn 2015 - 2021. Dự kiến số lượng người tinh giản và kinh phí của 7 năm (2015 - 2021) và của từng năm (2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021).

1.1. Năm 2015

1. Đối tượng:
* Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: người
* Nghỉ hưu trước tuổi: người
* Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: người
* Thôi việc ngay: người
* Thôi việc sau khi đi học: người
1. Kinh phí tinh giản:
* Nguồn ngân sách Nhà nước cấp:
* Nguồn ngân sách của đơn vị:

1.2. Năm 2016

1. Đối tượng:
* Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: người
* Nghỉ hưu trước tuổi: người
* Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: người
* Thôi việc ngay: người
* Thôi việc sau khi đi học: người
1. Kinh phí tinh giản:
* Nguồn ngân sách Nhà nước cấp:
* Nguồn ngân sách của đơn vị:

1.3. Năm 2017

1.4. Năm 2018

1. . Năm 2019
2. . Năm 2020
3. . Năm 2021
4. Đối tượng:
* Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, nhân sự: người
* Nghỉ hưu trước tuổi: người
* Chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước: người
* Thôi việc ngay: người
* Thôi việc sau khi đi học: người
1. Kinh phí tinh giản:
* Nguồn ngân sách Nhà nước cấp:
* Nguồn ngân sách của đơn vị:
1. Lập danh sách số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong diện tinh giản biên chế và dự toán kinh phí giải quyết chế độ theo từng kỳ, năm (6 tháng một lần) theo Biểu mẫu số la, lb, lc, ld và 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 gửi cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định.

Phần III.

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giải pháp để thực hiện Đề án.

2. Phân công trách nhiệm thực hiện Đề án.

3. Kinh phí thực hiện Đề án.

1. Kiến nghị, đề xuất.

Trên đây là Đề án tinh giản biên chế của ….. kính trình Uỷ ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định phê duyệt./.

*Nơi nhận:* THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

* CT UBND Thành phố;
* Sở Nội vụ;
* Sở Tài chính;
* Bảo hiểm xã hội TP;
* Lưu: VT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỤC TRẠNG ĐỘI NGỦ CÁN Bộ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

**TÊN CO QUAN, TỎ CHỨC, ĐƠN VỊ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | IIọ và tcn | Năm sinh | Chức vụ, chức danh | Tháng, năm (Iirợc tuyển dụng | Ngạch(chiícdanhnghềnghiệp) | Hệ sổ lương đang hirỏng | Trình độ chuyên môn cao nhất | Công việc theo Đc án Vị (rí việc làm | Công việc dang phụ trách | Dôi dư do sáp xếp tổ chửc bộ máy | Dôi dư do cơ cấu lại (heo vị trí việc làm | Ghi chú |
| Nam | Nữ | IIợp đồng | Bicn chc | Trinh độ dào (ạo | Chuyên ngành đào tạo |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 201 THỦ TRƯỞNG CO QUAN, TỎ CHỨC, DƠN VỊ